TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2025/HC-PT
Ngày: 19 - 3 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Ông Cao Văn Tám

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 950/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2024 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xây dựng".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 135/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 992/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Lê Thành T1, sinh năm 1979 (có mặt);

2. Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Bích C, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: B Đường số G, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Số G T, phường H quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lâm Văn T2 – Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị kiêm Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C C nối dài, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Huỳnh T3, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Phạm Thị T do bà Võ Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 517/QĐ-CCXP ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân quận T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ủy ban nhân dân phường H căn cứ vào Kết luận Thanh tra số 311/KL-TTr ngày 01/5/2013 để lập Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC ngày 01/02/2021 là không đúng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân phường H sau hơn tám năm kể từ ngày phát hiện vi phạm mới tiến hành lập biên bản vi phạm là không đúng quy định về thời hạn tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 118/2018/NĐ-CP.

Thứ hai, Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC ngày 01/02/2021 không ghi rõ giờ, ngày tháng năm, địa điểm xảy ra vi phạm, không có chữ ký của người bị thiệt hại là bà Phạm Thị T trong biên bản theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

Do Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC ngày 01/02/2021 không phù hợp quy định pháp luật nên việc ban hành Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 517/QĐ-CCXP ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là trái pháp luật.

Tại Văn bản ý kiến số 1263/UBND-TCD ngày 05/8/2022 và số 1777/UBND-TCD ngày 27/10/2022, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T do ông Nguyễn Quốc B là người đại diện hợp pháp trình bày:

1. Về Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Nhà, đất tại số D T do ông Huỳnh Thanh N chuyển nhượng của ông Nguyễn Đăng K và được cập nhật sang tên trên Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 4803/2002 ngày 22/11/2002 do Ủy ban nhân dân quận T cấp.

Ngày 28/6/2011, ông Huỳnh T3 được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy phép xây dựng số 1760/GPXD đối với căn nhà số D T với diện tích xây dựng tầng 1 = 142,26m^2; tổng diện tích sàn xây dựng = 891m^2; quy mô 4 tầng + lửng + sân thượng.

Ngày 15/8/2011, ông Huỳnh T3 được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH04382.

Ngày 09/01/2012, ông Huỳnh T3 được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận T cập nhật hoàn công công trình xây dựng nhà số D T trên trang 4 của Giấy chứng nhận số CH04382 ngày 15/8/2011 theo Giấy phép xây dựng số 1760/GPXD ngày 28/6/2011.

Sau khi cập nhật hoàn công, vào khoảng nửa cuối tháng 01/2012, ông Huỳnh T3 đã tự ý xây dựng phần diện tích không phép của căn nhà 49/4 Thoại Ngọc H1.

Ngày 01/3/2012, ông Huỳnh T3 chuyển nhượng nhà, đất số 49/4 Thoại Ngọc H1 cho ông C1 Phạm Nhật M và được cập nhật sang tên ông Châu Phạm Nhật M ngày 12/3/2012 trên trang 4 của Giấy chứng nhận số CH04382.

Sau đó ông C1 Phạm Nhật M tặng cho nhà, đất số D T cho bà Phạm Thị T (mẹ của ông Châu Phạm Nhật M) và được cập nhật sang tên bà Phạm Thị T ngày 24/12/2015 trên trang 4 của Giấy chứng nhận số CH04382.

- Về hành vi vi phạm:

Hồ sơ xác minh, kiểm tra thể hiện ông Huỳnh T3 là người tự ý xây dựng phần công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Các phần công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, cụ thể:

- Tăng diện tích sử dụng tại tầng lửng (kết cấu: sàn bê tông đổ giả) với diện tích: ½ (2,27m x 3,12m) + [1/2 (4,34m + 3,12m) x 2,35m] + (4,3m x 3,42m) + (1m x 1,45m) = 27,61m^2.

- Tăng diện tích sàn xây dựng tại 4 tầng + lửng (kết cấu: sàn bê tông đổ giả), diện tích: {[1/2 (2,4m + 2,8m) x 4,45m]+ [1/2 (2,8m + 2,08m) x 1m)]5} = 70,05m^2.

- Tăng diện tích phòng phía trước mái che cầu thang (kết cấu: tường gạch, mái BTCT với diện tích: (4,25m x 6,9m) + (5,25m x 3,25m) = 46,38m^2.

- Các bước tiến hành xử lý của cơ quan chức năng:

Ngày 02/5/2013 Thanh tra quận T có Kết luận thanh tra số 311/KL-TTQ về việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất, Giấy phép xây dựng căn nhà số D T, phường H (Kết luận số 311/KL-TTQ).

Các đơn vị chức năng đã nhiều lần mời ông Huỳnh T3, ông Châu Phạm Nhật M, bà Phạm Thị T để làm việc, vận động tháo dỡ phần vi phạm xây dựng... Nhưng các bên liên quan không hợp tác, trong đó ông Huỳnh T3 không rõ nơi cư trú, Đội Quản lý trật tự đô thị đã tiến hành xác minh nhiều nơi nhưng không có kết quả.

Ngày 01/02/2021 Ủy ban nhân dân phường H lập biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC đối ông Huỳnh T3 với hành vi xây dựng không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng tại địa chỉ 4 T, phường H, quận T.

Do hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính (thời điểm vi phạm tháng 01 năm 2012) nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chỉ ban hành Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần diện tích xây dựng vi phạm của căn nhà số D T.

Từ những căn cứ trên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

2. Về Quyết định số 517/QĐ-CCXP ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

Do đã hết thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021, bà Phạm Thị T, ông Huỳnh Thanh K1 tự nguyện tháo dỡ phần công trình vi phạm xây dựng tại căn nhà số D T, căn cứ quy định pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T tiếp tục ban hành Quyết định số 517/QĐ-CCXP ngày 28/10/2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Căn cứ việc ông C1 Phạm Nhật M tặng cho nhà, đất số 49/4 Thoại Ngọc H1 cho bà Phạm Thị T và được cập nhật sang tên trên trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04382, là cơ sở xác định bà Phạm Thị T là người tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nên việc giao bà Phạm Thị T là cá nhân đang sở hữu và sử dụng công trình thuộc diện phải tháo dỡ để thực hiện Quyết định số 517/QĐ-CCXP ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại khoản 2, 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị T, giữ nguyên các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 và ông Huỳnh Thanh vắng M1 không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 135/2024/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, gồm các yêu cầu sau:

Hủy Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 517/QĐ-CCVP ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân quận T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án còn quy định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/5/2024 người khởi kiện bà Phạm Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Phạm Thị T (có ông Lê Thành T1 là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Bà T nhận tặng cho nhà, đất tại số D T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông Châu Phạm Nhật M và được cập nhật sang tên trên giấy chứng nhận vào năm 2015. Trong khi đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 80/QĐ-KPHQ và Quyết định số 517/QĐ-CCXP là căn cứ vào Kết luận thanh tra số 311/KL-TTQ ngày 02/5/2013 của Thanh tra quận T, xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra vào năm 2012, trước khi ông Huỳnh T3 thực hiện giao dịch chuyển nhượng nhà, đất cho ông M, sau đó ông M tặng cho bà T. Người bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và bị cưỡng chế trong các quyết định nêu trên không phải là người có hành vi vi phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ngày 15/8/2011 ông Huỳnh T3 được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04382 đối với nhà, đất tại 4 T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 01/3/2012 ông T3 chuyển nhượng nhà, đất trên cho ông C1 Phạm Nhật M. Sau đó, ông M tặng, cho nhà đất trên cho bà Phạm Thị T và được cập nhật sang tên bà T tại trang 4 Giấy chứng nhận số CH04382 ngày 24/12/2015.

Ngày 02/5/2013 Thanh tra quận T có Kết luận thanh tra số 311/KL-TTQ về việc cấp Giấy chứng nhận số CH04382 cho ông T3. Trên cơ sở Kết luận trên và hồ sơ xác minh thể hiện ông T3 đã tự ý xây dựng thêm phần công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Ngày 01/02/2021 Ủy ban nhân dân phường H lập biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC đối với ông T3. Ngày 05/02/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 80/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần diện tích xây dựng vi phạm của căn nhà số D T với nội dung:

"Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Tháo dỡ phần công trình vi phạm trật tự xây dựng, cụ thể:

- Tăng diện tích sử dụng tại tầng lửng (kết cấu: sàn bê tông đổ giả) với diện tích: ½ (2,27m x 3, 2n) + [1/2 (4,34m + 3,12m) x 2,35m] + (4,3m x 3,42m) + (1m x 1,45m) = 27,61m^2.

- Tăng diện tích sàn xây dựng tại 4 tầng + lửng (kết cấu: sàn bê tông đổ giả), diện tích: ([1/2 (2,4m + 2,8m) x 4,45m]+ [1/2 (2,8m + 2,08m) x 1m)] 5} = 70,05m^2.

- Tăng diện tích phòng phía trước mái che cầu thang (kết cấu: tường gạch, mái BTCT với diện tích: (4,25m x 6,9m)+ (5,25m x 3,25m) = 46,38m^2.

Giao cho ông Huỳnh T3 là cá nhân vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Giao cho bà Phạm Thị T là cá nhân đang sở hữu công trình vi phạm để phối hợp với ông Huỳnh T3 thực hiện Quyết định này".

Do bà T, ông T3 không tự nguyện thi hành, ngày 28/10/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 517/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T (người đang trực tiếp sở hữu căn nhà).

Bà T cho rằng các quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành là không đúng quy định pháp luật, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định trên.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Theo Kết luận thanh tra số 311/KL-TTQ ngày 02/5/2013 của Thanh tra quận T về việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy phép xây dựng căn nhà số D T, phường H thì ông Huỳnh T3 đã có hành vi xây dựng không phép sau khi hoàn công tăng diện tích tầng lửng, tăng mật độ xây dựng 4 tầng, tăng diện tích phòng phía trước mái che cầu thang, với tổng diện tích sàn xây dựng không phép là 144,918m^2 (28,454m^2 + 70,076m^2 + 46,388m^2) vào thời điểm xây dựng khoảng tháng 01/2012, là hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014 thì hành vi xây dựng tăng tổng diện tích sàn 144,918m^2 của ông Huỳnh T3 là hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính.

Do hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chỉ ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần diện tích xây dựng vi phạm của căn nhà số D T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28, Điều 30, điểm c khoản 1 khoản 2 Điều 55 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-BXD ngày 24/4/2018 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở và công sở.

[3.2] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04382 thì nhà, đất số 49/4 Thoại Ngọc H1 đã được cập nhật sang tên cho bà Phạm Thị T ngày 24/12/2015 trên trang 4 của Giấy chứng nhận trên, nên bà Phạm Thị T là người tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với nhà, đất số D T. Do đó, Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T giao cho bà Phạm Thị T là cá nhân đang sở hữu công trình vi phạm để phối hợp với ông Huỳnh T3 thực hiện Quyết định này là phù hợp với quy định tại Điều 75, khoản 2; khoản 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3.3] Ngày 19/5/2017, Phòng Quản lý đô thị, Ủy ban nhân dân quận T đã có Văn bản số 1663/QLĐT-XD về việc xem xét tồn tại phần diện tích vi phạm nhà số D T, phường H với nội dung thống nhất cho tồn tại phần diện tích vi phạm xây dựng của nhà 49/4 Thoại Ngọc H1 theo khoản 9 Điều 13 Nghị định 121/2013/*NĐ*-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 10/3/2017 bà T yêu cầu xem xét lại số tiền nộp phạt, sau đó tại các biên

bản ngày 12/6/2017, 23/6/2017 và 03/7/2017 bà T đều không có mặt tại nhà số D T, phường H để trao đổi về việc xác định phần diện tích vi phạm tại địa chỉ trên để làm cơ sở xử lý vi phạm theo quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân quận T không áp dụng khoản 9 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ để cho tồn tại công trình vi phạm là đúng quy định pháp luật.

Do người khởi kiện không tự nguyện chấp hành Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nên ngày 28/10/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T đã ban hành Quyết định số 517/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Từ những nhận định trên, Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá và phán quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960 nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 135/2024/HC-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 28, Điều 30, điểm b điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 59, Điều 63, Điều 65, Điều 75, Điều 85, điểm d khoản 2 Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-BXD ngày 24/4/2018 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở và công sở; khoản 1 Điều 89 Luật xây

dựng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, gồm các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định số 80/QĐ-KPHQ ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Hủy Quyết định số 517/QĐ-CCVP ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân quận T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Bà Phạm Thị T được miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (2);
- Lưu (5) 14b (Án NThuy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên